

TÀI LIỆU TÓM TẮT

Môn: Chủ nghĩa xã hội Khoa học

(Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)

Dựa trên Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

| | |
|---|----|
| CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN | 4 |
| I. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân/52 | 4 |
| 1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân/52 | 4 |
| 2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân/56 | 5 |
| 3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân/60 | 6 |
| II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay/65 | 8 |
| 1. Giai cấp công nhân hiện nay/65 | 8 |
| 2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay/69 | 9 |
| III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam/72 | 10 |
| 1. Khái niệm và đặc điểm giai cấp công nhân Việt Nam/72 | 10 |
| 2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay/76 | 12 |
| 3. Phương hướng và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay/80 | 13 |
| CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | 14 |
| 1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa/87 | 14 |
| 2. Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội (Xem trong giáo trình)/90 | 15 |
| 3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội/93 | 15 |
| II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/104 | 17 |
| 1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/104 | 17 |
| 2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/107 | 17 |
| III. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam/109 | 18 |
| 1. Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa/109 | 18 |
| 2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay/112 | 19 |
| CHƯƠNG 4: NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA | 20 |
| I. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa/125 | 20 |
| 1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ/125 | 20 |
| 2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa/132 | 21 |
| II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa/141 | 22 |
| 1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa/141 | 22 |
| III. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 25 |
| 1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/149 | 25 |
| 3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/159 | 27 |
| CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỐP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | 27 |
| I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/165 | 27 |
| 1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội/166 | 27 |
| 2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/168 | 28 |
| II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/173 | 29 |
| III. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/177 | 29 |
| 1. Đặc điểm của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam/177 | 29 |

| | |
|---|----|
| 2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam/182 | 31 |
| CHƯƠNG 6: VÂN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔNG GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | 33 |
| I. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/196 | 33 |
| 1. Khái niệm, đặc trưng của dân tộc/196 | 33 |
| 2. Chủ nghĩa Mác - Lê nin về vấn đề dân tộc/201 | 34 |
| 3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam/206 | 36 |
| II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/214 | 37 |
| 1. Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lê nin về tôn giáo/214 | 37 |
| 2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay/223 | 39 |
| III. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam/228 | 40 |
| 1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam/228 | 40 |
| 2. Định hướng giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay/233 | 40 |
| CHƯƠNG 7: VÂN ĐỀ CỦA GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | 41 |
| I.Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình/239 | 41 |
| 1. Khái niệm gia đình/239 | 41 |
| 2. Vị trí của gia đình trong xã hội/241 | 41 |
| 3. Chức năng cơ bản của gia đình/245 | 42 |
| II. Cơ sở để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/250 | 43 |
| 1. Cơ sở kinh tế xã hội/250 | 43 |
| 2. Cơ sở chính trị xã hội/252 | 44 |
| 3. Cơ sở văn hóa/253 | 44 |
| 4. Chế độ hôn nhân tiến bộ/254 | 44 |
| III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/257 | 45 |
| 1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/258 | 45 |
| 2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình/259 | 45 |
| 3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình/264 | 46 |
| 4. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/266 | 46 |

CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

I. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân/52

1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân/52

a. Khái niệm giai cấp công nhân/52

Trong các tác phẩm của mình, Mác và Ăng ghen đã sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để chỉ cùng một giai cấp công nhân như: giai cấp vô sản, giai cấp vô sản hiện đại, giai cấp công nhân hiện đại, giai cấp công nhân đại công nghiệp... Dù diễn đạt bằng các thuật ngữ khác nhau song giai cấp công nhân được các nhà kinh điển xác định trên 2 phương diện cơ bản: Kinh tế - Xã hội và Chính trị - Xã hội:

- **Về phương diện kinh tế - xã hội:** giai cấp công nhân là những người lao động trực tiếp hoặc gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao, với những đặc điểm nổi bật là: sản xuất bằng máy móc hiện đại, lao động có tính chất xã hội hóa; năng suất lao động rất cao và tạo ra những tiền đề của cải vật chất cho xã hội mới.
- **Về phương diện chính trị - xã hội:** đó là giai cấp của những người lao động không có sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu ở xã hội. Họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị chủ tư bản bóc lột giá trị thặng dư. Chính điều này khiến cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp đối kháng với giai cấp tư sản.

=> Từ những phân tích ở trên, chúng ta có thể nêu khái niệm giai cấp công nhân như sau: giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghệ ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư, vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích căn bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

b. Đặc điểm của giai cấp công nhân/55

Từ phương diện kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội trong chủ nghĩa tư bản đã đem lại cho giai cấp công nhân có những đặc điểm sau:

- Đặc điểm nổi bật của giai cấp công nhân là lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ lao động là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính xã hội hóa.
- Giai cấp công nhân là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại, do đó giai cấp công nhân là đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại
- Nền sản xuất đại công nghiệp và phát triển sản xuất tiên tiến đã rèn luyện cho giai cấp công nhân có những phẩm chất đặc biệt như tính tổ chức, tính kỷ luật cao, có tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp, là giai cấp cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để.

2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân/56

a. Nội dung tổng quát/56-57

Theo chủ nghĩa Mác-Lênin, sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân là thông qua chính Đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh, xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giai phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

b. Nội dung cụ thể/57-58-59

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thể hiện trên ba nội dung cơ bản sau đây:

***Nội dung kinh tế/57**

- Là chủ thể của quá trình sản xuất, giai cấp công nhân là lực lượng sản xuất ra chủ yếu của cải vật chất và sự giàu có cho xã hội. Bằng cách đó giai cấp công nhân là giai cấp tạo ra những tiền đề vật chất, kỹ thuật đầy đủ nhất cho sự ra đời xã hội mới.
- Giai cấp công nhân là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hóa cao, do đó đòi hỏi phải xác lập một quan hệ sản xuất mới phù hợp, quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Khi quan hệ sản xuất mới được xác lập thì lợi ích kinh tế của giai cấp công nhân cũng như các thành viên trong xã hội được thực hiện. Giai cấp công nhân là đại biểu cho lợi ích chung của xã hội.

=> Ở những nước bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội với điểm xuất phát thấp, để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình về nội dung kinh tế, giai cấp công nhân phải đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất vốn đã bị kìm hãm, lạc hậu, chậm phát triển trong quá khứ, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ra đời và phát triển.

***Nội dung chính trị - xã hội/58**

- Giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành cuộc cách mạng chính trị, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thiết lập nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân.

- Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng chính quyền nhà nước của mình để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng nền chính trị dân chủ - pháp quyền, quản lý kinh tế xã hội và tổ chức đời sống xã hội phục vụ quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội theo lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

***Nội dung văn hóa tư tưởng/59**

- Xóa bỏ những tàn tích, văn hóa, tư tưởng đã lỗi thời lạc hậu của chủ nghĩa tư bản, tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động, công bằng, dân chủ, bình đẳng và tự do. Hệ giá trị này thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới xã hội chủ nghĩa.

- Cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, cái tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, trong lối sống và đời sống tinh thần xã hội. Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân, đó là chủ nghĩa Mác-Lênin. Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng đạo đức và lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân/60

a. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân/60

Theo Mác và Ăng ghen, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân không phải do ý muốn chủ quan của giai cấp công nhân hoặc do sự áp đặt của các nhà tư tưởng mà do những điều kiện khách quan quy định.

***Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân**

- Giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại. Nó là một bộ phận và là bộ phận tiên tiến nhất, cách mạng nhất trong các bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
 - Do lao động bằng công nghệ ngày càng hiện đại, giai cấp công nhân là người sản xuất ra của cải vật chất chủ yếu trong xã hội, làm giàu cho xã hội, có vai trò quyết định cho sự phát triển của xã hội hiện đại
- => Điều kiện khách quan này là nhân tố kinh tế quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, sau khi giành được chính quyền, giai cấp công nhân đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là người duy nhất có khả năng lãnh đạo xã hội, xây dựng một phương thức sản xuất mới cao hơn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

***Thứ hai, địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân**

- Trong sản xuất tư bản, giai cấp công nhân không sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu, phải bán sức lao động để kiếm sống, bị bóc lột nặng nề vì vậy lấy lợi ích cơ bản của công nhân đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản và thống nhất với lợi ích cơ bản của đa số nhân dân lao động.
- => Từ địa vị kinh tế và chính trị - xã hội trong chủ nghĩa tư bản đã đưa lại cho công nhân những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng như: tính tổ chức và lý luật, tự giác và tự đoàn kết, tinh thần cách mạng triệt để trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội (có thể điều kiện khách quan đã đem lại cho giai cấp công nhân những năng lực chủ quan để giai cấp công nhân có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình).

b. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình/62

***Một là, sự phát triển của giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng**

- + Về số lượng, sự phát triển nền sản xuất vật chất hiện đại dựa trên nền tảng của công nghiệp, kỹ thuật và công nghệ ngày càng phát triển đã làm cho số lượng của giai cấp công nhân ngày càng tăng ở mỗi quốc gia cũng như trên quy mô toàn thế giới.
- + Về chất lượng:
 - Chất lượng của giai cấp công nhân được thể hiện ở sự trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tức là tự giác nhận thức được vai trò, trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử. Do đó giai cấp công nhân cần được giác ngộ lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác Lenin.

- Chất lượng của giai cấp công nhân còn được thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại.

=> Để phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng, chủ nghĩa Mác lenin đặc biệt chú ý đến hai biện pháp cơ bản: một là phát triển công nghiệp – tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết, hai là sự trưởng thành của Đảng Cộng sản – hạt nhân chính trị quan trọng của giai cấp công nhân.

***Thứ hai, Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình**

+ Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản: Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác Lenin với phong trào công nhân, sự ra đời của Đảng Cộng sản đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng.

+ Đảng Cộng sản bao gồm những phần tử ưu tú nhất, cách mạng nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cho nên Đảng có khả năng đề ra cương lĩnh, đề ra đường lối, đề ra chiến lược, sách lược để lãnh đạo cách mạng.

+ Đảng Cộng sản không chỉ đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân mà còn đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc vì vậy Đảng có khả năng vận động và đoàn kết toàn thể nhân dân lao động trong cách phong trào cách mạng.

***Thứ Ba, để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi đến thắng lợi phải có sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp khác do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo**

II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay/65

1. Giai cấp công nhân hiện nay/65

So với giai cấp công nhân ở thế kỉ XIX, giai cấp công nhân ngày nay vừa có điểm tương đồng, vừa có điểm khác biệt, có những biến đổi trong điều kiện lịch sử mới.

*** *Những điểm tương đối ổn định so với giai cấp công nhân ở thế kỉ XIX***

Giai cấp công nhân hiện nay vẫn đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại, họ đại diện cho một phương thức sản xuất tiên tiến của xã hội, lao động họ tạo ra chủ yếu của cải vật chất và sự giàu có của xã hội.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay thì giai cấp công nhân vẫn là giai cấp của những người lao động không có tư liệu sản xuất chủ yếu trong tay, họ phải đi làm thuê cho giai cấp tư sản và vì vậy trong thực tế, những xung đột về mặt lợi ích giữa hai giai cấp vẫn đang tồn tại.

Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước tư sản vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

* **Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại**

- Xu hướng trí tuệ hóa tăng nhanh: gắn liền với cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, với sự phát triển của kinh tế tri thức, công nhân hiện đại có xu hướng trí tuệ hóa. Tri thức hóa và trí thức hóa công nhân là hai mặt của cùng một quá trình, của xu hướng trí tuệ hóa đối với công nhân và giai cấp công nhân.
- Xu hướng trung lưu hóa gia tăng trong bối cảnh toàn cầu hóa, chủ nghĩa tư bản đã có một số điều chỉnh nhất định về phương thức quản lý, các biện pháp điều hòa mâu thuẫn xã hội. Một bộ phận công nhân đã tham gia vào sở hữu một lượng tư liệu sản xuất của xã hội thông qua chế độ cổ phần hóa. Tuy nhiên, ở các nước tư bản hiện nay giai cấp công nhân không chiếm được tỉ lệ sở hữu cao nên việc làm về lao động vẫn là nhân tố quyết định mức thu nhập, đời sống công nhân.
- Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp lãnh đạo và Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền.

2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay/69

* **Nội dung kinh tế/69**

- Đối với giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa, sự phát triển sản xuất với sự tham gia trực tiếp của giai cấp công nhân và các lực lượng lao động – dịch vụ trình độ cao chính là nhân tố kinh tế - xã hội thúc đẩy sự chín muồi các tiền đề của chủ nghĩa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản. Đó là điều kiện để phát huy vai trò chủ thể của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ thể xã hội.

- Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tập trung vào nhiệm vụ phát triển kinh tế (hoàn thành công nghiệp hóa hiện đại hóa - ở Việt Nam), phát triển xã hội (xóa bỏ bất bình đẳng xã hội, xóa bỏ khoảng cách các khu vực, vùng miền)

* **Nội dung chính trị - xã hội/70**

- Ở các nước tư bản chủ nghĩa, mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chống bất công và bất bình đẳng xã hội, mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
- Ở các nước xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản đã trở thành đảng cầm quyền, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết thành công các nhiệm vụ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là xây dựng đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

* **Nội dung văn hóa tư tưởng/70**

- Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng hiện nay là tập trung vào việc bảo vệ, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác Lenin về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới (công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước bước đầu đạt được những thành tích nhất định song cũng còn nhiều khó khăn: phong trào cộng sản và công nhân trên thế giới đang trải qua những giai đoạn khó khăn, niềm tin và lý tưởng xã hội chủ nghĩa đang đứng trước những thử thách ...) để các giá trị đặc trưng cho bản chất khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân, của chủ nghĩa xã hội vẫn mang ý nghĩa chỉ đạo, định hướng trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa của sự phát triển xã hội.
- Đầu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học đối với lý tưởng, mục tiêu chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc.

III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam/72

1. Khái niệm và đặc điểm giai cấp công nhân Việt Nam/72

*Khái niệm của giai cấp công nhân Việt Nam/72

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

*Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam/72-73-74

Ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác địa của thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp công nhân ở Việt Nam có những đặc điểm:

- Một là, giai cấp công nhân Việt Nam ra đời đầu thế kỷ XX, trước cả sự ra đời của giai cấp tư sản Việt Nam và là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư sản Pháp và bè lũ tay sai.
- Hai là, sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, dưới sự thống trị của thực dân Pháp, một thứ chủ nghĩa tư bản thực dụng, không quan tâm mấy đến phát triển công nghiệp ở những nước thuộc địa cho nên giai cấp công nhân Việt Nam chậm phát triển.
- Ba là, số lượng giai cấp công nhân ở Việt Nam khi ra đời ít, lại sinh ra trong một nước nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp kém phát triển nhưng sớm được tôi luyện trong đấu tranh chống thực dân để quốc nên đã trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị, sớm giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân nên đã vươn lên trở thành giai cấp tiên phong lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam.
- Bốn là, đại bộ phận giai cấp công nhân Việt Nam đều xuất thân từ giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác cho nên giai cấp công nhân Việt Nam dễ dàng liên minh với các giai cấp, tầng lớp khác và giữ được vai trò lãnh đạo trong suốt quá trình cách mạng ở nước ta.

*Ngày nay, nhất là hơn 30 năm đổi mới vừa qua, những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam đã có những biến đổi: /75

- Một là, giai cấp công nhân Việt Nam đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa, gắn liền với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- Hai là, giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế, nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.

- Ba là, đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam đang ngày càng được nâng cao về trình độ tri thức, nắm vững khoa học – công nghệ tiên tiến. Đội ngũ công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội, là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.

2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay/76

*Nội dung tổng quát/76

Trong thời kỳ đổi mới, giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn là: là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

a. Nội dung trên từng lĩnh vực/77-78-79-80

* Về kinh tế/77-78

- Giai cấp công nhân phải phát huy vai trò, trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Thực hiện thắng lợi mục tiêu công nghiệp hóa – hiện đại hóa làm cho nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.
- Gắn tăng trưởng kinh tế với đảm bảo công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường.
- Thực hiện tốt khối liên minh công – nông – trí thức, nâng cao đời sống vật chất cho nông dân.

* Về chính trị - xã hội/79

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình đổi mới để đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Nâng cao trình độ cho đội ngũ Đảng viên, ngăn chặn tình trạng suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, Đảng viên.

* Về văn hóa, tư tưởng/79-80

- Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, có nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo

đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam.

- Bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện, hoàn cảnh mới.
- Thường xuyên giáo dục cho các thế hệ công nhân và lao động trẻ về ý thức giai cấp, bản lĩnh chính trị, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa giai cấp công nhân với dân tộc, đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

3. Phương hướng và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay/80

a. Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay/80-81-82

Đẩy nhanh, phát triển giai cấp công nhân VIệt Nam về số lượng, chất lượng và tổ chức
Nâng cao giác ngộ, bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, nghề nghiệp, ý thức tác phong
công nghiệp cho giai cấp công nhân.

Thực hiện tốt chính sách, pháp luật đối với công nhân và lao động, giải quyết việc làm,
từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân và người lao động.

Chăm lo đào tạo cán bộ và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú.

b. Giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay/83-84

Một là, nâng cao nhận thức và kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh
đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hai là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy sức mạnh
của khối liên minh giai cấp công – nông – trí thức.

Ba là, thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh phải gắn với chiến
lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Bốn là, đạo tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho giai cấp công nhân, không
ngừng trí hóa giai cấp công nhân.

Năm là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị,
của cả xã hội và bản thân sự cố gắng vươn lên của mỗi người công nhân.

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Chủ nghĩa xã hội/86

Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận từ các góc độ sau đây:

Thứ nhất, chủ nghĩa xã hội là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bát công, chống lại các giai cấp thống trị.

Thứ hai, chủ nghĩa xã hội là trào lưu tư tưởng, lý luận, phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bát công.

Thứ ba, chủ nghĩa xã hội là một khoa học – chủ nghĩa xã hội khoa học, là khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Thứ tư, chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

⇒ Trong phạm vi bài này, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa/87

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lê nin, lịch sử phát triển của xã hội loài người trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội:

- + Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy
- + Hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ.
- + Hình thái kinh tế - xã hội phong kiến.
- + Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa.
- + Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Khi phân tích hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lê nin cho rằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp đến cao qua 2 giai đoạn: **giai đoạn đầu (giai đoạn thấp)** của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Tương ứng với giai đoạn này là xã hội – xã hội chủ nghĩa (hay chủ nghĩa xã hội) và **giai đoạn cao** của hình thái kinh tế - xã hội

công sản chủ nghĩa. Tương ứng với giai đoạn này là xã hội cộng sản chủ nghĩa (hay chủ nghĩa cộng sản).

Đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, trong giai đoạn đầu sẽ tồn tại một thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản có một thời kỳ quá độ nhất định, thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản (như vậy ở những nước này thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản chính là giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa).

2. Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội (Xem trong giáo trình)/90

- a. Điều kiện kinh tế/90
- b. Điều kiện chính trị - xã hội/91

3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội/93

***Một là**, chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.

- Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa với các hình thái kinh tế - xã hội trước nó, thể hiện ở bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.
- Để đạt được mục tiêu tổng quát này, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải tiến hành triệt để. Trước hết là giải phóng giai cấp, xóa bỏ tình trạng người áp bức bóc lột người. Khi tình trạng người áp bức bóc lột người được xóa bỏ thì tình trạng dân tộc này đi áp bức dân tộc khác cũng bị xóa bỏ.

***Hai là**, chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Đây là đặc trưng về phương diện kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội phát triển mà xét đến cùng là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất. Chỉ có nền kinh tế phát triển cao mới có thể đáp ứng nhu cầu vật chất ngày càng tăng của các thành viên xã hội.
- Chỉ trên cơ sở lực lượng sản xuất phát triển hiện đại, mang tính xã hội hóa cao mới tạo điều kiện cho quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất ra đời.

***Ba là**, chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ.

- Đây là đặc trưng thể hiện thuộc tính bản chất của chủ nghĩa xã hội, xã hội do dân làm chủ và dân làm chủ.
- Đây là xã hội vì con người. Nhân dân mà nòng cốt là nhân dân lao động, là chủ thể của xã hội thực hiện quyền làm chủ ngày càng rộng rãi và đầy đủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

***Bốn là**, chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới, mang bản chất của giai cấp công nhân, đại diện cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

- Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định trong chủ nghĩa xã hội phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản. Theo Lenin, chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản là một chính quyền do giai cấp vô sản giành được và duy trì bằng bạo lực đối với giai cấp tư sản. Chính quyền đó chính là nhà nước kiểu mới thực hiện dân chủ cho tuyệt đối đa số nhân dân và trấn áp bằng vũ lực đối với bọn bóc lột, bọn áp bức nhân dân.
- Nhà nước vô sản theo Lenin phải là một công cụ, phương tiện đồng thời là một biểu hiện tập trung trình độ dân chủ của nhân dân lao động. Nhà nước vô sản tập hợp, lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, tổ chức đời sống xã hội vì con người và cho con người.

***Năm là**, chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển. Chỉ có xây dựng được nền văn hóa vô sản mới giải quyết được mọi vấn đề từ kinh tế, chính trị đến xã hội, con người
- Xây dựng văn hóa mang bản sắc dân tộc sẽ tạo ra sức mạnh nội sinh của văn hóa dân tộc, chính là sự chuẩn bị hết sức cần thiết cho hội nhập và giao lưu quốc tế.
- Trong quá trình xây dựng văn hóa phải biết tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại vì theo Lenin: "Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra"

***Sáu là**, chủ nghĩa xã hội đảm bảo bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và quan hệ hữu nghị hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới

- Chủ nghĩa xã hội, với bản chất tốt đẹp do con người, vì con người, luôn là bảo đảm cho các dân tộc bình đẳng, đoàn kết và hợp tác hữu nghị, đồng thời có quan hệ với nhân dân các nước trên thế giới.
- Không có sự tự nguyện, tiến tới sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động ở các nước, các dân tộc trên thế giới thì không thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản được.
- Bảo đảm đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới, chủ nghĩa xã hội mới mở rộng được ảnh hưởng và góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/104

1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/104

***Tính tất yếu về mặt chính trị:** đây là thời kỳ để giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tổ chức xây dựng và giữ vững chính quyền nhà nước, ổn định chính trị để xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

***Tính tất yếu về mặt kinh tế:** đây là thời kỳ để giai cấp công nhân và nhân dân lao động cải tạo nền kinh tế cũ phát triển nền kinh tế mới, chuẩn bị những cơ sở vật chất, kỹ thuật tốt nhất cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội.

***Tính tất yếu về mặt xã hội:** đây là thời kỳ để giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiến hành những cải tạo về mặt xã hội, xóa bỏ khoảng cách về kinh tế, văn hóa giữa các vùng miền, tiến tới xây dựng một chế độ xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

***Tính tất yếu về mặt tư tưởng, văn hóa:** đây là thời kỳ để giai cấp công nhân và nhân dân lao động thủ tiêu những tàn dư của nền văn hóa và tư tưởng của xã hội cũ, tiến đến xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng của giai cấp công nhân trong đời sống xã hội.

2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/107

***Trên lĩnh vực kinh tế:** thời kỳ quá độ còn tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa giữ vai trò chủ đạo đồng thời có cả các thành phần kinh tế đối lập. Còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều hình thức phân phối, trong đó phân phối theo lao động là chủ yếu.

***Trên lĩnh vực chính trị:** giai cấp công nhân sử dụng chính quyền nhà nước của mình để trấn áp các thế lực thù địch chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, tổ chức và xây dựng xã hội mới, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động trên mọi mặt của đời sống xã hội.

***Trên lĩnh vực xã hội:** trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Các giai cấp, tầng lớp này vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Vẫn còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay,... Thực chất của thời kỳ quá độ trên lĩnh vực xã hội là thời kỳ đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ các tàn dư của xã hội cũ để thiết lập công bằng và bình đẳng xã hội.

***Trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa:** thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau, chủ yếu là tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản, bên cạnh nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa đang từng bước hình thành thì vẫn tồn tại những yếu tố lạc hậu, bảo thủ của nền văn hóa tư bản chủ nghĩa.

III. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam/109

1. Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa/109

**Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện vừa có những thuận lợi, vừa có những khó khăn xen, với những đặc trưng cơ bản là:*

- **Một là**, xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất kém phát triển. Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt, kéo dài nhiều thập kỷ, hậu quả để lại rất nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.
- **Hai là**, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn đến nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra các thử thách gay gắt.
- **Ba là**, thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông âu sụp đổ. Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức. Song theo quy luật tiến hóa của lịch sử loại người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

**Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa được hiểu là:*

- **Thứ nhất**, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tát yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đatk là sự lựa chọn đúng đắn, khoa học, phản ánh đúng quy luật khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay.
- **Thứ hai**, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa. Tức là, trong thời kỳ này còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế nhưng sở hữu tư nhân, tư bản chủ nghĩa và thành phần kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa không chiếm vai trò chủ đạo. Còn nhiều hình thức phân phôi nhưng hình thức phân phôi theo lao động là chủ đạo.
- **Thứ ba**, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghệ, về quản lý xã hội và tổ chức sản xuất.
- **Thứ tư**, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, lâu dài

với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và khát vọng của toàn Đảng, toàn dân.

2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay/112

a. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội Việt Nam/113-114

***Tại Đại hội lần thứ XI (2011), Đảng ta xác định chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng có 8 đặc trưng**

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
- Do nhân dân làm chủ
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển.
- Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

b. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay/117

***Đại hội lần thứ XI (2011) Đảng ta xác định 8 phương hướng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường
- Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
- Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.
- Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.
- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

CHƯƠNG 4: NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa/125

1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ/125

a. Quan điểm về dân chủ/126-127-128-129-130

- Thuật ngữ dân chủ ra đời vào khoảng thế kỷ thứ VII-VI TCN. Theo các nhà tư tưởng Hy Lạp cổ đại, dân chủ được hiểu là nhân dân cai trị, sau này được các nhà chính trị gọi giản lược là quyền lực của nhân dân hay quyền lực thuộc về nhân dân.
- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, dân chủ được hiểu trên **3 phương diện**:
 - o **Thứ nhất**, về phương diện quyền lực: dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ nhân của nhà nước.
 - o **Thứ hai**, về phương diện chế độ xã hội và lĩnh vực chính trị: dân chủ là một hình thức nhà nước hay một hình thái nhà nước là chính thể dân chủ hay chế độ dân chủ.
 - o **Thứ ba**, về phương diện tổ chức và quản lý xã hội, dân chủ là một nguyên tắc – nguyên tắc dân chủ, nguyên tắc này kết hợp với nguyên tắc tập trung để hình thành nguyên tắc tập trung dân chủ. => từ sự tiếp cận trên, cần lưu ý.
- Dân chủ với tư cách quyền lực thuộc về nhân dân, các quyền này nhân dân đã giành được trong suốt quá trình tồn tại và phát triển. Như vậy dân chủ là một giá trị xã hội, giá trị nhân loại chung. Ở góc độ xem xét này dân chủ là một phạm trù vĩnh viễn.
- Với tư cách là một hình thức tổ chức, thiết chế chính trị, một hình thức nhà nước thì dân chủ là một phạm trù lịch sử. Nó ra đời và phát triển gắn bó với sự tồn tại của nhà nước.

b. Khái lược sự ra đời và phát triển của dân chủ/130-131-132

- Trong chế độ cộng sản nguyên thủy, mặc dù khái niệm dân chủ chưa có nhưng đã xuất hiện hình thức manh nha của dân chủ mà Ăng ghen gọi là dân chủ nguyên thủy hay dân chủ quân sự: nhân dân bầu ra thủ lĩnh quân sự.
- Trong chế độ chiếm hữu nô lệ, nền dân chủ chủ nô với đặc trưng là nhân dân tham gia bầu nhà nước, quyền lực chỉ đảm bảo cho thiểu số giai cấp chủ nô.
- Trong chế độ phong kiến, chế độ dân chủ chủ nô bị xóa bỏ và thay vào đó là chế độ độc tài chuyên chế phong kiến, quyền lực được tập trung vào một người: đó là nhà vua, dân chủ không tồn tại.

- Cuối thế kỷ thứ VIV, đầu thế kỷ XV, nền dân chủ tư sản ra đời, sự ra đời của nền dân chủ tư sản là bước tiến lớn của nhân loại với những giá trị nổi bật về tự do, dân chủ, bình đẳng nhưng vẫn là nền dân chủ của thiểu số giai cấp tư sản. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ra đời sau khi Cách mạng tháng 10 Nga thắng lợi năm 1917, đã thực hiện và bảo vệ chủ quyền làm chủ của đại đa số nhân dân lao động.

2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa/132

a. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa/133-134-135

+ Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phôi thai từ thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Pháp và Công xã Paris năm 1871, nhưng đến Cách mạng Tháng 10 Nga thành công năm 1917 – với sự ra đời nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chính thức được xác lập.

+ Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ mà ở đó mọi quyền lực thuộc về nhân dân lao động, dân là chủ và dân làm chủ. Dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng, được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

+ Nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là không ngừng mở rộng dân chủ, nâng cao mức độ giải phóng cho những người lao động, thu hút họ tham gia tự giác vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

+ Để quyền lực thuộc về nhân dân lao động, ngoài yếu tố giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua Đảng Cộng sản thì còn đòi hỏi nhiều yếu tố khác như trình độ dân trí, việc tạo dựng cơ chế pháp luật, đảm bảo quyền tự do cá nhân, quyền làm chủ nhà nước và quyền tham gia các quyết sách của nhà nước.

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa/136-137-138-139-140

***Bản chất chính trị:** là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng của nó đối với toàn xã hội nhưng không phải chỉ để thực hiện quyền lực và lợi ích riêng cho giai cấp công nhân mà chủ yếu là thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, trong đó có giai cấp công nhân (Đảng Cộng sản đại diện cho trí tuệ, lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn bộ dân tộc).

Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động là người làm chủ những quan hệ chính trị trong xã hội, họ có quyền giới thiệu những đại biểu tham gia vào bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách pháp luật ...

=> Xét về bản chất chính trị, dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

***Bản chất kinh tế:** nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội, đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân lao động.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân lao động về những tư liệu sản xuất chủ yếu, đảm bảo quyền làm chủ trong quá trình sản xuất, kinh doanh, quản lý và phân phối, coi lợi ích kinh tế của người lao động là động lực cơ bản nhất, có sức thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

Thực hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và phân phối theo kết quả lao động là chủ yếu.

***Bản chất tư tưởng, văn hóa, xã hội:** nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác-Lênin, hệ tư tưởng của giai cấp công nhân là nền tảng chủ đạo đối với những hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới. Đồng thời nó kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc, tiếp thu những giá trị tư tưởng văn hóa, văn minh, tiến bộ xã hội mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc.

Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân được làm chủ những giá trị văn hóa tinh thần, được nâng cao trình độ văn hóa, có điều kiện phát triển cá nhân.

Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, có sự kết hợp hài hòa về lợi ích của cá nhân, tập thể và lợi ích xã hội. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ra sức động viên, thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

=> Từ những phân tích ở trên, chúng ta thấy: dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân chủ và pháp luật có sự thống nhất với nhau và được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa/141

1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa/141

a. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa/141

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng vô sản do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Tùy vào đặc điểm và điều kiện của mỗi quốc gia, sự ra đời của xã hội chủ nghĩa cũng như tổ chức chính quyền sau cách mạng có những điểm, hình thức và phương pháp phù hợp, song điểm chung giữa các nhà nước xã hội chủ nghĩa ở chỗ tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân, là cơ quan đại diện cho ý chí của nhân dân, thực hiện việc tổ chức, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

=> Như vậy, nhà nước xã hội chủ nghĩa là một kiểu nhà nước mà ở đó sự thống trị chính trị thuộc về công nhân do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và cơ sở mầm xay dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản, đó là xã hội chủ nghĩa.

b. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa/143

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới, có bản chất khác với bản chất của các kiểu nhà nước bóc lột trong lịch sử. Tính ưu việt về bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa được thể hiện trên các phương diện sau:

***Về chính trị:** Nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của nhân dân lao động. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là sự thống trị chính trị của giai cấp công nhân, là sự thống trị của đa số đối với thiểu số giai cấp bóc lột nhằm giải phóng giai cấp mình và tất cả tầng lớp nhân dân lao động khác trong xã hội. Do đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa là đại biểu cho ý chí chung của nhân dân lao động

***Về kinh tế:** bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu. Do đó không còn tồn tại quan hệ sản xuất bóc lột. Việc chăm lo lợi ích của đa số nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

***Về văn hóa, xã hội:** nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và những giá trị văn hóa tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang bản sắc riêng của dân tộc. Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp. Các giai cấp, tầng lớp bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội để phát triển.

c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa/144-145-146

***Tùy theo góc độ tiếp cận, nhận thức về chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa có khác nhau:**

Căn cứ vào phạm vi tác động của quyền lực nhà nước, nhà nước xã hội chủ nghĩa có chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

Căn cứ vào lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước thì nhà nước xã hội chủ nghĩa có chức năng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Căn cứ vào tính chất của quyền lực nhà nước thì nhà nước xã hội chủ nghĩa có chức năng giai cấp (chức năng trấn áp) và chức năng xã hội (tổ chức xây dựng)

***Tiếp cận từ tính chất của quyền lực nhà nước: Nhà nước xã hội chủ nghĩa có hai chức năng: chức năng giai cấp (chức năng trấn áp) và chức năng xã hội (chức năng tổ chức xây dựng)**

- Chức năng giai cấp (chức năng trấn áp):

+ Trong nhà nước xã hội chủ nghĩa, tồn tại chức năng trấn áp là một tắt yếu. Đó là bộ máy do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức ra để trấn áp giai cấp bóc lột đã bị lật đổ và những phần tử chống đối để bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững an

ninh chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

+ Trấn áp của nhà nước xã hội chủ nghĩa là trấn áp của đa số nhân dân lao động đối với thiểu số bọn bóc lột.

- Chức năng xã hội (chức năng tổ chức xây dựng):

+ Cá Mác, Ăngghen, Lênin đều xem tổ chức, xây dựng mang tính sáng tạo nhằm cải biến trận tự chủ nghĩa tư bản và hình thành trật tự chủ nghĩa cộng sản là cái căn bản hơn trong các chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

+ Đề cập chức năng tổ chức, xây dựng của nhà nước xã hội chủ nghĩa, Lênin dành sự chú ý đặc biệt cho nhiệm vụ quản lý. Theo ông, sau khi giành được chính quyền, vũ khí duy nhất mà nhờ đó giai cấp vô sản có thể chiến thắng giai cấp tư sản là quản lý. Trong nhiệm vụ quản lý toàn diện đời sống xã hội, Lênin xem quản lý trong thời kỳ chuyên chính vô sản thực chất là quản lý kinh tế.

2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa/147

a. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa/147-148

+ Thông qua dân chủ xã hội chủ nghĩa, người dân mới có đầy đủ điều kiện cho việc thực hiện ý chí của mình, thông qua việc lựa chọn một cách công bằng, bình đẳng những người đại diện cho quyền lợi chính đáng của mình vào bộ máy nhà nước, tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động quản lý của nhà nước, khai thác và phát huy một cách tốt nhất sức mạnh trí tuệ của nhân dân cho hoạt động của nhà nước.

+ Với tính ưu việt của mình, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngăn chặn được sự tha hóa của quyền lực nhà nước, có thể dễ dàng đưa ra khỏi cơ quan nhà nước những người tha hóa, biến chất vi phạm lợi ích của nhân dân.

b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng trong việc thực thi quyền làm chủ của nhân dân/148

+ Bằng việc thể chế hóa ý chí của nhân dân thành hành lang pháp lý, phân định một cách rõ ràng quyền và trách nhiệm của mỗi công dân, là cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Đồng thời là công cụ bạo lực để ngăn chặn các hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân.

+ Con đường vận động và phát triển của xã hội chủ nghĩa là ngày càng hoàn thiện các hình thức đại diện nhân dân thực hiện và mở rộng dân chủ nhằm lôi cuốn ngày càng đông đảo nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

+ Thông qua hoạt động quản lý nhà nước, các nguồn lực xã hội được tập hợp, tổ chức, phát huy hướng đến lợi ích của nhân dân.

III. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/149

a. Sự ra đời và phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/149-150-151

- Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau cách mạng tháng Tám năm 1945, với nội dung chủ yếu là “độc lập dân tộc, người cày có ruộng” và thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu.
- Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đã nhấn mạnh phát huy dân chủ, để tạo ra một động lực mạnh mẽ cho đất nước phát triển.

Hơn 30 năm đổi mới, nhận thức về khái niệm, nội dung, vị trí, vai trò của dân chủ ở nước ta có nhiều điểm mới. Đảng ta khẳng định một trong những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam là do nhân dân làm chủ. Dân chủ đã được đưa vào mục tiêu tổng quát của cách mạng Việt Nam đồng thời khẳng định dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội.

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/151-152-153-154

- Ở Việt Nam, bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là dựa vào nhà nước xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân. Tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là gốc, là chủ, dân làm chủ. Đảng ta xác định dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội. Dân chủ gắn với kỷ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật đảm bảo.
- Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp
 - + Dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân ủy quyền, giao quyền lực của mình cho tổ chức do nhân dân trực tiếp
 - + Dân chủ trực tiếp là hình thức thông qua đó nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội. Nó thể hiện ở quyền được thông tin về hoạt động nhà nước được bàn bạc về công việc của nhà nước và cộng đồng dân cư, được bàn đến những quyết định về dân chủ cơ sở, nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước từ trung ương đến cơ sở.
 - + Xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam diễn ra trong điều kiện nền kinh tế kém phát triển, hậu quả của chiến tranh nặng nề, tiêu cực của xã hội chưa được khắc phục triệt để, làm suy giảm động lực phát triển và ảnh hưởng đến bản chất chế độ dân chủ ở nước ta.

2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/155

a. Quan niệm về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa/155-156-157

- Quan niệm chung về nhà nước pháp quyền: là nhà nước thượng tôn pháp luật, hướng tới những vấn đề phúc lợi cho mọi người, tạo điều kiện cho cá nhân được tự do, bình đẳng, phát huy hết năng lực của mình.
- Quan niệm hiện nay về nhà nước pháp quyền: là nhà nước mà ở đó, mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh, trong hoạt động của các cơ quan nhà nước phải có sự phân công, phối hợp, kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.
- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra những nội dung khái quát về xây dựng nhà nước pháp quyền: đề cao vai trò tối thượng của hiến pháp và pháp luật, đề cao quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, đảm bảo quyền con người, tổ chức bộ máy vừa đảm bảo tập trung thống nhất, vừa có sự phân công giữa các nhánh quyền lực, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền nhằm đảm bảo quyền dân chủ, tránh lạm quyền.
- Theo tiến trình đổi mới: nhận thức của Đảng ta về nhà nước pháp quyền ngày càng sáng tỏ, Đảng ta xác định nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành hiến pháp và pháp luật, đại hội lần thứ XII đã làm rõ hơn về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng khẳng định: quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đến đại hội XIII của Đảng thì nhấn mạnh: quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước.

b. Một số đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội Việt Nam/157-158

- Thứ nhất, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của hiến pháp và pháp luật
- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng và kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, tư pháp và hành pháp.
- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo
- Tôn trọng quyền con người, coi con người là chủ thể, là trung tâm của sự phát triển.
- Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp và kiểm soát lẫn nhau nhưng đảm bảo quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của trung ương.

3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/159

a. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay/159-160-161

Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, cần làm:

***Một là**, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa

***Hai là**, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

***Ba là**, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa.

***Bốn là**, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

***Năm là**, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

b. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa/162-163

Những nội dung cơ bản trong xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

- Một là, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng
- Hai là, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của nhà nước Ba là, xây dựng đổi mới cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực
- Ba là, đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/165

1.Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội/166

a. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội – giai cấp/166-167

***Cơ cấu xã hội:** là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

***Cơ cấu xã hội – giai cấp:** là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại một cách khách quan trong một chế độ xã hội nhất định thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội giữa các

giai cấp và tầng lớp đó.

***Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ:** trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cơ cấu xã hội – giai cấp là tổng thể các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau.

- Yếu tố quyết định mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội trong thời kỳ quá độ là do họ cùng chung sức cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm các giai cấp, tầng lớp sau: giai cấp công nhân, giai cấp nhân dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu chủ, tầng lớp thanh niên, phụ nữ.

- Mỗi giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội có vị trí, vai trò xác định, song dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, họ cùng hợp lực tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện những mục tiêu, những nội dung, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

b. Vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội/167-168

Trong hệ thống xã hội, mỗi loại hình cơ cấu xã hội đều có một vị trí, vai trò nhất định và giữa chúng có mối quan hệ phụ thuộc. Tuy nhiên, cơ cấu xã hội giai cấp giữ vị trí quan trọng hàng đầu, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác bởi vì:

- Nói tới cơ cấu xã hội – giai cấp là đều cập tới mối quan hệ trực tiếp giữa các đảng phái chính trị và nhà nước, đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý tổ chức lao động, phân phối thu nhập v.v... trong một hệ thống sản xuất nhất định. Đây là những mối quan hệ mà các loại hình cơ cấu xã hội khác không có.
- Sự biến đổi cơ cấu xã hội giai cấp tất yếu ảnh hưởng đến sự biến đổi của các cơ cấu xã hội khác và tác động đến biến đổi của toàn cơ cấu xã hội. Cơ cấu xã hội giai cấp là căn cứ cơ bản để từ đó xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi xã hội trong từng thời kỳ, từng giai đoạn.

2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/168

* *Một là, cơ cấu xã hội giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi sự cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Trong một hệ thống sản xuất nhất định, cơ cấu xã hội giai cấp thường xuyên biến đổi do tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là những thay đổi về phương thức sản xuất, về cơ cấu ngành nghề, thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế. Ở những nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với xuất phát điểm thấp như Việt Nam, cơ cấu kinh tế có những biến đổi đa dạng như sau:

- + Từ một cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, công nghiệp ở trình độ thấp bắt đầu chuyển sang cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp.
 - + Từ cơ cấu vùng lanh thổ chưa định hình sang hình thành các vùng, các trung tâm kinh tế lớn
 - + Từ cơ cấu lực lượng sản xuất hiện đại nhưng không cân đối, trình độ công nghệ còn lạc hậu chuyển sang phát triển lực lượng sản xuất với trình độ công nghệ cao, tiên tiến
- => Sự biến đổi cơ cấu kinh tế tất yếu làm cho sự biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp diễn ra cả trong tổng thể và trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội. Trên cơ sở đó vị trí, vai trò của các giai tầng xã hội cũng thay đổi theo.

*** Hai là, cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.**

- Do kết cấu kinh tế đa dạng và phức tạp, cùng với đó là sự tồn tại tất yếu nền kinh tế nhiều thành phần vì vậy trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu giai cấp cũng đa dạng và phức tạp
- => Bên cạnh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức là những giai tầng cơ bản trong xã hội thì vẫn còn tồn tại tầng lớp tư sản (doanh nhân), tiểu chủ, những người giàu có, trung lưu trong xã hội

*** Ba là, cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp**

- Sự đấu tranh giữa các giai cấp, tầng lớp chủ yếu xoay quanh vấn đề lợi ích, đặc biệt là lợi ích kinh tế (nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ quyền cơ bản của người lao động, chế độ lao động...)
- Sự liên minh giữa các giai cấp, tầng lớp cũng đều tập trung vào việc đảm bảo, thỏa mãn lợi ích cho từng giai cấp, tầng lớp (lợi ích kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội).

II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/173

III. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/177

1. Đặc điểm của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam/177

***Một là, sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ ở Việt nam vừa đảm bảo tính quy luật phổ biến, vừa mang tính đặc thù của xã hội Việt Nam**

- Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi

và chịu sự chi phối từ những biến đổi của cơ cấu kinh tế. Từ Đại hội VI (1986), sự chuyển đổi trong cơ cấu kinh tế đã dẫn đến nhu cầu biến đổi trong cơ cấu xã hội – giai cấp với việc hình thành một cơ cấu xã hội – giai cấp đa dạng thay thế cho cơ cấu xã hội – giai cấp đơn giản gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức của thời kỳ trước đổi mới

- Sự biến đổi đa dạng, phức tạp của cơ cấu xã hội – giai cấp Việt Nam diễn ra trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội, thậm chí có sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội đồng thời xuất hiện những giai cấp và tầng lớp mới.

* *Hai là, trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp ngày càng được khẳng định. Cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam ở chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản sau*

- Giai cấp công nhân

+ Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, đại diện cho phong trào sản xuất tiên tiến; giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và là lực lượng nòng cốt trong liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

+ Giai cấp công nhân có những biến đổi nhanh cả về số lượng, chất lượng và có sự thay đổi đa dạng về cơ cấu. Sự đa dạng của giai cấp công nhân không chỉ phát triển theo thành phần kinh tế mà còn theo sự phát triển ngành nghề. Ngày càng xuất hiện đông đảo đội ngũ công nhân hiện đại, công nhân tri thức.

- Giai cấp nông dân

+ Giai cấp nông dân cùng với nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; là cơ sở và là lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Giai cấp nông dân có sự biến đổi mạnh mẽ, đa dạng về cơ cấu; có xu hướng giảm dần về số lượng và tỉ lệ trong cơ cấu xã hội - giai cấp. Một bộ phận chuyển sang lao động trong các khu công nghiệp hoặc dịch vụ có tính chất công nghiệp và trở thành công nhân. Trong giai cấp nông dân xuất hiện những chủ trang trại lớn đồng thời vẫn còn những nông dân mất ruộng đất, nông dân đi làm thuê.

- Đội ngũ tri thức

+ Đội ngũ tri thức là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và lực lượng trong khối liên minh.

- + Hiện nay, cùng với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức trong điều kiện khoa học - công nghệ và cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) đang phát triển mạnh mẽ thì vai trò của đội ngũ tri thức càng trở nên quan trọng.
- **Đội ngũ doanh nhân:** đang phát triển nhanh cả về số lượng và quy mô với vai trò không ngừng tăng lên. Đây là tầng lớp xã hội đặc biệt được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh. Vai trò và vị thế của họ trong đời sống kinh tế - xã hội ngày càng trở nên quan trọng, góp phần vào việc phát triển kinh tế- xã hội, tạo việc làm cho người lao động, tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo...
- **Phụ nữ Việt Nam:** là lực lượng đông đảo và quan trọng trong đội ngũ những người lao động, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Hiện nay nhiều phụ nữ đã nắm giữ những cương vị quan trọng trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, những tấm gương tiêu biểu trong các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học...
- **Đội ngũ thanh niên:** thanh niên là nòng cốt của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam/182

a. Chủ nghĩa Mác - Lênin về tính tất yếu của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/183-184-185-186-187

Chủ nghĩa Mác - Lênin bàn về tính tất yếu của liên minh công nông và các tầng lớp lao động khác chẳng những chỉ trong giai đoạn giành chính quyền mà còn đặc biệt lưu ý trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Tính tất yếu của liên minh xét dưới góc độ chính trị

+ Mặc dù giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã giành được chính quyền nhưng vẫn gặp phải sự phản kháng của các giai cấp thống trị cũ đã bị đánh đổ cộng thêm vào đó là các thế lực đế quốc luôn tìm cách phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, thực hiện khối liên minh là để không ngừng củng cố và giữ vững chính quyền trong tay giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động.

+ Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác vừa là lực lượng sản xuất cơ bản, vừa là lực lượng chính trị xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên minh này thì không những xây dựng được cơ sở kinh tế vững mạnh mà chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng được củng cố vững chắc.

- Tính tất yếu của liên minh xét từ góc độ kinh tế

+ Xét dưới góc độ kinh tế, khối liên minh này xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ sang nền sản xuất hàng hóa lớn; phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học công nghệ.

+ Việc hình thành khối liên minh này cũng chính là xuất phát từ nhu cầu và lợi ích kinh tế của các giai cấp và tầng lớp trong xã hội. Đây là các giai cấp đại diện cho các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học và công nghệ... những lĩnh vực này tách biệt, gắn bó, tương trợ nhau trong quá trình phát triển kinh tế.

b. *Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam/187-188-189-190-191-192*

- **Nội dung kinh tế của liên minh**

+ Khối liên minh này nhằm thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích kinh tế thiết thực của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp tri thức và các tầng lớp khác trong xã hội, nhằm tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

+ Nội dung kinh tế của khối liên minh này thực chất là sự hợp tác giữa các giai cấp, tầng lớp để xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa.

+ Dưới góc độ kinh tế, hiện nay cần xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của các giai cấp, tầng lớp trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế đúng, trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên, tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí. Xác định đúng cơ cấu kinh tế của cả nước, của các ngành, địa phương. Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết giữa công nghiệp - nông nghiệp - khoa học công nghệ và dịch vụ giữa các ngành kinh tế, các thành phần kinh tế...

- **Nội dung chính trị của liên minh**

+ Khối liên minh giữa các giai cấp tầng lớp trong xã hội nhằm tạo cơ sở chính trị xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp để vượt qua những khó khăn, thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo vệ sự vững chắc tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

+ Nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị tư tưởng của giai cấp công nhân đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh, đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Để thực hiện liên minh chính trị thì cần phải hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, không ngừng củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường sự đồng thuận toàn xã hội, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân

- Nội dung văn hóa, xã hội của liên minh

+ Xây dựng khối liên minh giữa các giai cấp, tầng lớp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là để cùng nhau xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại.

+ Nội dung văn hóa, xã hội của liên minh giai cấp, tầng lớp đòi hỏi phải đảm bảo gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

CHƯƠNG 6: VĂN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔNG GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/196

1. Khái niệm, đặc trưng của dân tộc/196

*Dân tộc được hiểu ở hai nghĩa rộng và hẹp

- Theo nghĩa rộng (khái niệm dân tộc chỉ một quốc gia): dân tộc là khái niệm chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung, và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Theo nghĩa rộng, dân tộc có một số đặc trưng sau đây

+ Có chung một vùng lãnh thổ ổn định.

+ Có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế.

+ Có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp.

+ Có chung một nền văn hóa và tâm lý.

+ Có chung một nhà nước dân tộc.

- Theo nghĩa hẹp (khái niệm dân tộc chỉ một tộc người): dân tộc là khái niệm chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, có chung ngôn ngữ và văn hóa, cộng đồng này xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc, kế thừa và phát triển cao hơn những nhân tộc tộc người của các cộng đồng đó. Dân tộc tộc người có một số đặc trưng cơ bản sau đây:

- Cộng đồng về ngôn ngữ (bao gồm cả tiếng nói và chữ viết, hoặc chỉ riêng tiếng nói) đây là tiêu chí cơ bản để phân biệt các tộc người khác nhau và là vấn đề

luôn được các dân tộc coi trọng và giữ gìn. Tuy nhiên vì nhiều lí do khác nhau mà nhiều dân tộc không còn ngôn ngữ mẹ đẻ mà phải sử dụng ngôn ngữ khác làm công cụ giao tiếp.

- Cộng đồng về văn hóa: văn hóa bao gồm văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể ở mỗi tộc người phản ánh truyền thống, lối sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáp của tộc người đó
- Ý thức tự giác tộc người (đây là tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của tộc người).

2. Chủ nghĩa Mác - Lenin về vấn đề dân tộc/201

a. Hai xu hướng khách quan/201-202-203

Nghiên cứu vấn đề dân tộc, Lenin phát hiện ra hai xu hướng khách quan trong phát triển quan hệ dân tộc:

Xu hướng thứ nhất: cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành dân tộc độc lập. Nguyên nhân là do sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra để thành lập các dân tộc độc lập, xu hướng này thể hiện rõ nét trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi áp bức, bóc lột của các nước thực dân, đế quốc.

Xu hướng thứ hai: các dân tộc trong từng quốc gia thậm chí các dân tộc trong nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau, xu hướng này nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, đi xâm chiếm thuộc địa, do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế văn hóa trong xã hội tư bản đã xuất hiện như cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc có những biểu hiện đa dạng, phong phú

Trong phạm vi từng quốc gia, xu hướng thứ nhất thể hiện trong sự nỗ lực của từng dân tộc tộc người để đi đến sự tự do, bình đẳng và phồn vinh của dân tộc mình. Còn xu hướng thứ hai thể hiện ở sự xuất hiện những động lực thúc đẩy các dân tộc (tộc người) trong một quốc gia xích lại gần nhau hơn, hòa hợp với nhau ở mức độ cao hơn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong phạm vi quốc tế, xu hướng thứ nhất thể hiện trong phong trào giải phóng dân tộc nhằm chống lại chủ nghĩa đế quốc và chống chính sách thực dân đô hộ dưới mọi hình thức, phá bỏ mọi áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc. Còn Xu hướng thứ hai thể hiện ở xu thế các dân tộc muốn xích lại gần nhau, hợp tác với nhau để hình thành liên minh dân tộc ở phạm vi khu vực và toàn cầu.

b. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin/203-204-205

Lênin đã khái quát cương lĩnh dân tộc như sau: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại".

***Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng**

- Các dân tộc trên thế giới dù lớn hay nhỏ, dù phát triển hay chưa phát triển đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội theo luật pháp quốc tế. Không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.
- Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, quan trọng hơn là vẫn được thực hiện trên thực tế. Quyền bình đẳng dân tộc được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội trong đó bình đẳng trên lĩnh vực kinh tế giữ vai trò quyết định. Để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trước hết cần phải thủ tiêu trình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc, phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

***Các dân tộc được quyền tự quyết**

- Quyền dân tộc tự quyết là quyền của các dân tộc tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.
- Quyền tự quyết bao gồm hai mặt: quyền tự do phân lập về mặt chính trị tức là quyền được tách ra để thành lập một quốc gia dân tộc độc lập. Trên tinh thần bình đẳng, các dân tộc có thể tự nguyện liên hiệp với nhau để hình thành một liên bang quốc gia dân tộc.
- Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với "quyền" của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa dân tộc đòi phân lập thành một quốc gia độc lập, kiên quyết chống lại mọi âm mưu thủ đoạn của thế lực thù địch lợi dụng quyền dân tộc tự quyết để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

***Liên hiệp giai cấp công nhân các dân tộc**

- Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế hân chính.
- Liên hiệp giai cấp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam/206

a. Đặc điểm của dân tộc Việt Nam/206-207-208-209

***Việt Nam là một quốc gia đa tộc người (bao gồm 54 dân tộc) có những đặc điểm nổi bật**

- Có sự chênh lệch số dân giữa các tộc người.
- Các dân tộc cư trú xen kẽ lẫn nhau.
- Các dân tộc thiểu số phân bố chủ yếu ở các địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế, an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái (biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa).
- Các dân tộc Việt Nam có trình độ phát triển không đều, có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.
- Các dân tộc có truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời trong cộng đồng quốc gia thống nhất.
- Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

b. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta/209-210-211-212-213

***Quan điểm của Đảng ta về vấn đề dân tộc**

- Một là:** Vấn đề dân tộc và vấn đề đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

- Hai là: Các dân tộc Việt Nam luôn bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước, phấn đấu thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

- Ba là: Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và AN-QP trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống.

- Bốn là: Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng, các dân tộc và miền núi, trước hết tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo, khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, phát huy nội lực, tinh thần tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc đồng thời tăng cường sự quan tâm, hỗ trợ của trung ương với các địa phương trong nước.

- Năm là: Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.

***Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam**

- Về chính trị: thực hiện sự bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển giữa các dân tộc nhằm hướng tới mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.
- Về kinh tế: thực hiện chủ trương chính sách phát triển kinh tế xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục sự chênh lệch giữa các vùng, các dân tộc.
- Về văn hóa: đào tạo cán bộ văn hóa ở các vùng, các dân tộc nhằm xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa các dân tộc, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người.
- Về xã hội: thực hiện các chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, bình đẳng và công bằng xã hội cho các đồng bào dân tộc.
- Về an ninh quốc phòng: tăng cường mối quan hệ khăng khít giữa quân và dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân nhằm tăng cường sức mạnh bảo vệ toàn quốc ngay trong vùng đồng bào các dân tộc sinh sống.

II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/214

1. Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lenin về tôn giáo/214

a. *Bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo/214-215-216-217-218-219*

*** *Bản chất của tôn giáo***

- Chủ nghĩa Mác - Lenin cho rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hình thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí.
- Theo chủ nghĩa Mác - Lenin, tôn giáo là một hiện tượng văn hóa, xã hội, lịch sử do con người sáng tạo ra phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ nhưng sáng tạo ra tôn giáo, con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hóa và phục tùng tôn giáo vô điều kiện.
- Về phương diện thế giới quan, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng khoa học của chủ nghĩa Mác Lênin, mặc dù vậy, những người cộng sản không bao giờ có thái độ xem thường, trấn áp những nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân, ngược lại luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo nào của nhân dân.

* Nguồn gốc của tôn giáo

- Nguồn gốc kinh tế xã hội (nguồn gốc tự nhiên)

+ Trong xã hội công sản nguyên thủy, do trình độ của lực lượng sản xuất và điều kiện sinh hoạt vật chất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước thiên nhiên. Vì vậy người nguyên thủy đã gán cho thiên nhiên những sức mạnh siêu nhiên.

+ Khi xã hội xuất hiện giai cấp đối kháng có áp bức bát công do không giải thích được sự phân hóa giai cấp và áp bức bóc lột bát công cộng với sự lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội, con người cho rằng đây là do sự áp đặt của một lực lượng siêu nhiên nào đó và trông chờ vào sự giải phóng của lực lượng siêu nhiên này

⇒ **Có thể nói, sự bần cùng về kinh tế, nạn áp bức về chính trị, sự hiện diện của những bát công xã hội cùng với những thất vọng, bất hạnh trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp bị trị - đó là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo.**

- Nguồn gốc nhận thức

+ Ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định, nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa biết và chưa biết vẫn tồn tại, khi còn những điều mà khoa học chưa giải thích được thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo.

+ Ngay cả khi các vấn đề đã được khoa học giải thích những mà do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ thì đây vẫn là điều kiện mảnh đất tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển.

- Nguồn gốc tâm lý

+ Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên xã hội hay trong những lúc ốm đau bệnh tật, ngay cả những may rủi bất ngờ xảy ra hoặc tâm lý muốn được bình yên, con người dễ tìm đến tôn giáo.

+ Ngoài sự sợ hãi, ngay cả những tình cảm tâm lý tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, sự kính trọng cho mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và con người với con người cũng dẫn con người đến tôn giáo.

* Tính chất của tôn giáo

- **Tính lịch sử:** Tôn giáo có sự hình thành, tồn tại và phát triển và có khả năng biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định để thích nghi với nhiều chế độ kinh tế xã hội. Khi các điều kiện kinh tế xã hội, lịch sử thay đổi, tôn giáo cũng thay đổi theo. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đến một giai đoạn lịch sử nào đó, khi khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số nhân dân nhận thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo dần dần mất đi.

- **Tính quần chúng:** không chỉ thể hiện ở số lượng tín đồ rất đông (3/4 dân số thế giới) mà còn thể hiện ở chỗ các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân. Mặt khác, nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện. Vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là quần chúng lao động tin theo.
- **Tính chính trị:** khi xã hội chưa có giai cấp thì tôn giáo chỉ phản ánh nhận thức hồn nhiên, ngây thơ của con người về bản thân và thế giới xung quanh mình, tôn giáo chưa mang tính chính trị. Tính chính trị của tôn giáo chỉ có khi xã hội đã phân chia giai cấp và các giai cấp bóc lột, thống trị xã hội thường sử dụng tôn giáo như một phương tiện đắc lực phục vụ sự thống trị của mình.

b. *Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/219-220-221-222*

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tôn giáo vẫn tồn tại (tuy đã có sự biến đổi về nhiều mặt). Vì vậy, khi giải quyết vấn đề tôn giáo cần quán triệt các nguyên tắc sau đây:

- **Nguyên tắc thứ nhất:** tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, quyền này phải được thừa nhận cả về mặt pháp lý và trên thực tế.
- **Nguyên tắc thứ hai:** Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo, gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.
- **Nguyên tắc thứ ba:** phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.
- **Nguyên tắc thứ tư:** phải có quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo.

2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay/223

a. *Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam/223*

- **Một là,** VN là một quốc gia có nhiều tôn giáo
- **Hai là,** các tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, xen kẽ, chung sống hòa bình, không có xung đột và chiến tranh tôn giáo.
- **Ba là,** các tín đồ tôn giáo VN có thành phần rất đa dạng, chủ yếu là người lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.
- **Bốn là,** hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ
- **Năm là,** các tôn giáo VN đều có quan hệ với các tổ chức cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.
- **Sáu là,** các tôn giáo ở VN thường bị các thế lực phản động thù địch lợi dụng.

b. Chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay/225

- **Thứ nhất**, tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân, đang và sẽ cùng tồn tại trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa.
- **Thứ hai**, Đảng và Nhà nước ta thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo
- **Thứ ba**, nội dung cốt lõi của tôn giáo là vận động quần chúng nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc.
- **Thứ tư**, công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, bao gồm tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận các đoàn thể chính trị - xã hội
- **Thứ năm**, mọi tín đồ đều có quyền tự do hoạt động tôn giáo hợp pháp theo quy định của pháp luật. Không được lợi dụng hoạt động tôn giáo để tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan.

III. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam/228

1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam/228

- Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo, quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất.
- Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi sự tín ngưỡng truyền thống.
- Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khôi đại đoàn kết dân tộc.
- Các thế lực thù địch thường lợi dụng vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo nhằm thực hiện diễn biến hòa bình, nhất là tập trung ở 4 khu vực trọng điểm như: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải miền Trung.

2. Định hướng giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay/233

- Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam.
- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào các mục đích chính trị.

CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ CỦA GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình/239

1. Khái niệm gia đình/239

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng cùng những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình:

- + Quan hệ hôn nhân là cơ sở, nền tảng hình thành nên các mối quan hệ khác nhau trong gia đình, là cơ sở pháp lý cho sự tồn tại của mỗi gia đình.
- + Quan hệ huyết thống là quan hệ giữa những người cùng dòng máu, nảy sinh từ quan hệ hôn nhân. Đây là mối quan hệ tự nhiên, là yếu tố mạnh mẽ nhất gắn kết các thành viên gia đình.
- + Ngoài 2 mối quan hệ trên còn có các quan hệ khác giữa ông bà với cháu chắt, giữa anh chị em, giữa cô dì, chú, các với các cháu. Ngày nay, ở Việt Nam cũng như các nước khác trên thế giới còn thừa nhận quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi.
- + Dù hình thành từ hình thức nào, trong gia đình tất yếu nảy sinh quan hệ nuôi dưỡng. Đó là sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng giữa các thành viên trong gia đình cả về vật chất và tinh thần.

2. Vị trí của gia đình trong xã hội/241

- **Gia đình là tế bào của xã hội:** xã hội được ví như một cơ thể sống và mỗi gia đình là một tế bào trong xã hội đó. Trong mỗi gia đình tồn tại 2 quá trình sản xuất, sản xuất ra những tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng và tái sản xuất ra con người để duy trì nòi giống và tạo ra lực lượng lao động mới cho xã hội. Với những vai trò đó, gia đình như một tế bào tự nhiên, là một đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể của xã hội.
- **Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên:** trong gia đình, con người được sưởi ấm bằng tình yêu thương, nuôi dưỡng, giáo dục, trưởng thành và phát triển. Sự an lành, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí tuệ để trở thành công dân tốt cho xã hội. Chỉ trong môi trường yên ấm của gia đình, cá nhân mới cảm thấy bình yên, hạnh phúc, có động lực để phấn đấu trở thành con người tốt.

- **Gia đình là cầu nối giữa các cá nhân với xã hội:** gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên đáp ứng nhu cầu quan hệ xã hội của mỗi cá nhân. Gia đình cũng chính là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội. Nhiều thông tin, hiện tượng của xã hội thông qua gia đình tác động đến các thành viên gia đình và xã hội nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về mỗi cá nhân khi xem xét họ trong các mối quan hệ xã hội và quan hệ với gia đình.

3. Chức năng cơ bản của gia đình/245

a. Chức năng tái sản xuất ra con người/245

- Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà con đáp ứng nhu cầu về sự clao động và suy trì sự trường tồn của xã hội.
- Việc thực hiện chức năng này diễn ra trong từng gia đình nhưng không phải việc riêng của từng gia đình mà còn là vấn đề xã hội. Vì vậy, khi thực hiện chức năng này đòi hỏi phải thực hiện một cách có kế hoạch (tránh thừa và tránh thiếu sức lao động).

b. Chức năng nuôi dưỡng và giáo dục/246

- Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục của gia đình thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình đối với xã hội. Thực hiện chức năng này, gia đình có ý nghĩa quan trọng đối với việc hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi người
- Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đến cuộc đời của mỗi thành viên từ lúc lọt lòng cho đến khi trưởng thành và tuổi già. Mỗi thành viên gia đình đều có vị trí, vai trò nhất định, vừa là chủ thể, vừa là khách thể trong việc nuôi dưỡng giáo dục gia đình.
- Giáo dục gia đình phải được gắn bó chặt chẽ với giáo dục xã hội (theo nghĩa rộng). Nếu không thì mỗi cá nhân sẽ gặp khó khăn khi hòa nhập với xã hội và ngược lại giáo dục xã hội sẽ không đạt được hiệu quả cao khi không kết hợp với giáo dục gia đình, không lấy giáo dục gia đình làm nền tảng.
- Để thực hiện tốt chức năng nuôi dưỡng, giáo dục, đòi hỏi các bậc cha mẹ phải có kiến thức cơ bản, có khoa học, nghệ thuật nuôi dạy con cái.

c. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng/247

- Cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên, đặc thù của gia đình mà các đơn vị kinh tế khác không có là ở chỗ gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động cho xã hội.
- Là một đơn vị tiêu dùng, gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như các sinh hoạt trong gia đình. Đó là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên cùng với việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi để tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh.

- Để thực hiện tốt chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng, mỗi thành viên của gia đình phải có trách nhiệm tham gia lao động sản xuất và đóng góp tài chính cho gia đình. Việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của rmooxi thành viên trong gia đình là rất cần thiết.

d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình/249

- Chức năng này bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người ôm, người già, trẻ em (sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm, vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người).

- Với ý nghĩa đó: gia đình là chỗ dựa tình cảm cho mỗi cá nhân, là nơi nương tựa về mặt tinh thần chứ không chỉ là nơi nương tựa về vật chất của con người. Với việc duy trì tình cảm giữa các thành viên, gia đình có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định và phát triển của xã hội.

*Chú ý: ngoài 4 chức năng ở trên, gia đình còn có chức năng văn hóa và chức năng chính trị. Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người. Gia đình là nơi sáng tạo và thụ hưởng những giá trị văn hóa của xã hội. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã.

II. Cơ sở để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/250

1. Cơ sở kinh tế xã hội/250

- Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi của quan hệ sản xuất mới ấy là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất từng bước hình thành và củng cố thay thế chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

+ Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình. Bởi vì, sự thống trị của người đàn ông trong gia đình là kết quả của sự thống trị của họ về kinh tế.

+ Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở để biến lao động tư nhân trong gia đình thành lao động xã hội trực tiếp, người phụ nữ dù tham gia lao động xã hội hay tham gia lao động gia đình thì lao động của họ cũng đóng góp cho sự vận động và phát triển, tiến bộ xã hội.

+ Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở làm cho hôn nhân được thực hiện dựa trên tình yêu chân chính chứ không phải vì lý do kinh tế hay địa vị xã hội.

2. Cơ sở chính trị xã hội/252

- Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động – nhà nước xã hội chủ nghĩa
- Nhà nước xã hội chủ nghĩa xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đè nặng lên vai người phụ nữ. Xây dựng hệ thống pháp luật mới trong đó có luật hôn nhân và gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, ác thành viên trong gia đình đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội... Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội đó vừa định hướng, vừa thúc đẩy quá trình hình thành gia đình mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. Cơ sở văn hóa/253

- Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội. Đồng thời những yếu tố văn hóa phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước bị loại bỏ. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng gia đình mới tiến bộ.
- Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội. Đồng thời cung cấp cho các thành viên cho gia đình kiến thức, nhận thức mới, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

4. Chế độ hôn nhân tiến bộ/254

- Hôn nhân tự nguyện: là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Hôn nhân tự nguyện đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ nhưng cũng không bác bỏ vai trò của mẹ quan tâm, giúp đỡ con cái có nhận thức đúng trong việc kết hôn. Hôn nhân tự nguyện còn bao gồm cả chủ động ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn. Tuy nhiên hôn nhân tự nguyện không khuyến khích việc ly hôn.
- Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng: hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình đồng thời cũng phù hợp với tâm lý, tình cảm, đạo đức của con người. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng.

- Hôn nhân đảm bảo về mặt pháp lý: quan hệ hôn nhân và gia đình thực chất là quan hệ xã hội, tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người nhưng khi hai người đã thỏa thuận đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải

có sự thừa nhận của xã hội. Điều đó được thể hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân là thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn sự lợi dụng quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn để thỏa mãn những nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc của cá nhân với gia đình.

III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/257

1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/258

- Ở Việt Nam hiện nay gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân (bao gồm 2 thế hệ cha mẹ - con cái) đang trở nên rất phổ biến ở cả đô thị và nông thôn thay thế cho kiểu gia đình truyền thống (gia đình nhiều thế hệ) từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.
- Quy mô gia đình Việt Nam ngày càng thu nhỏ đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới tạo ra, sự bình đẳng của nam và nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn. Tuy nhiên sự thay đổi đó cũng khiến cho sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình mờ nhạt hơn.

2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình/259

- **Biến đổi chức năng tái sản xuất ra con người:** trong gia đình Việt Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên 3 phương diện: phải có con, càng đông con càng tốt, nhất thiết phải có con trai. Ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản, giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muôn, giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng.

- **Biến đổi chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng:**

+ Kinh tế gia đình có hai bước chuyển mạnh mang tính bước ngoặt từ kinh tế tự cung tự cấp sang kinh tế hàng hóa, từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cạnh tranh sản phẩm hàng hóa khu vực và quốc tế, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn.

+ Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội.

- **Biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa):** trong xã hội VN truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục gia đình, ngày nay giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, nhưng yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình. Nội dung giáo dục của gia đình hiện nay không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

- Biến đổi chức năng thỏa mãn tâm sinh lý, tình cảm:

- + Việc thực hiện chức năng này là một chức năng rất quan trọng tác động đến sự tồn tại bền vững của hôn nhân gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ trẻ em và người cao tuổi. Tuy nhiên hiện nay nhiều gia đình gặp nhiều khó khăn, thách thức khi tỷ lệ gia đình có một con tăng lên thì đời sống tâm lý, tình cảm của trẻ em cũng như người lớn kém phong phú hơn, thiếu đi tình cảm của anh chị em trong đời sống gia đình.
- + Gia đình hiện tại thực hiện bình đẳng giới, đảm bảo bình đẳng giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái.

3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình/264

- Biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng: dưới tác động của cơ chế thị trường, của khoa học công nghệ hiện đại, của toàn cầu hóa, khiến các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái: quan hệ vợ chồng lỏng lẻo, gia tăng tỉ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình. Hiện nay không còn mô hình duy nhất là người đàn ông làm chủ gia đình mà xuất hiện mô hình người phụ nữ làm chủ gia đình, cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình
- Biến đổi trong quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình: trong gia đình hiện nay việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn thiếu thốn về tình cảm. Ngày càng xuất hiện nhiều hiện tượng trước đây chưa hoặc ít có như: bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử,... và chúng đã làm rạn nứt, phá hoại sự bền vững của gia đình.

4. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội/266

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam.
- Đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất kinh tế hộ gia đình.
- Kế thừa những giá trị gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.

Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

-HẾT-

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục & Đào tạo: Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
2. ...